TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HS-PT
Ngày: 07 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hồng
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Hoài
Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý Số 68/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Thị L và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Ngô Thị L**; sinh năm: 1978; tại: Hà Nội; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Ngô Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; chồng Nguyễn Đăng K; con: 01 con sinh năm 2009. Tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 82/2020/HSST ngày 10-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 70 triệu đồng về tội đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-8-2022 đến ngày 14-10-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lĩnh. (vắng mặt).

2. **Nguyễn Sinh H** (tên gọi khác: H); sinh năm: 1995; tại: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp:

Làm nông; con ông Nguyễn Sinh L1 và bà Hà P D; con: 01 con sinh năm 2016; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 37/2017/HSPT ngày 24-4-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 08 năm tù về tội cướp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 25-8-2022 đến ngày 14-10-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lĩnh. (có mặt)

3. **Nguyễn Ng T2**; sinh năm: 1990; tại: Q; nơi ĐKNKTT và cư trú: Xóm D, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Ng N và bà Nguyễn Thị L2; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2022 đến ngày 20-6-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

4. **Trịnh Văn T3**; sinh năm: 1982; tại: Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trịnh Văn V (đã chết) và bà Lê Thị L3; vợ: Vi Thị T4; con: 02 con sinh năm 2019 và 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2022 đến ngày 15-5-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

5. **Nguyễn Văn Q**; sinh năm: 1989; tại: Hải Phòng; nơi ĐKNKTT: TH, ĐH, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ 27 BT, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn D và bà Vũ Thị N1; vợ Vũ Thị L4; con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2022 đến ngày 20-6-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa chỉ tổ B B, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

6. **Nguyễn Duy N2**; sinh năm: 1981; tại: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Xây dựng; con ông Nguyễn Duy T5 (đã chết) và bà Hg Thị P1; vợ: Nguyễn Thanh G (đã ly hôn); con: 02 con sinh năm 2008 và 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2022 đến ngày 15-5-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/5/2022, Công an tỉnh L phối hợp với Công an huyện L tiến hành bắt quả tang vụ đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn thua bằng tiền mặt tại quán K2 thuộc thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Các đối tượng gồm: Nguyễn Văn Q, Mai Văn T6, Trịnh Văn T3, Phạm Văn T7, Vũ Trung H1, Nguyễn Cảnh C, Nguyễn Duy N2, Phan Minh H2, Mai Xuân D1, Phùng Quốc U, Nguyễn Ng T2, Phạm Khắc L5, Cao Minh K1, Hoàng Anh K, Lương Ng Vĩnh H3, Trần Mạnh B, Nguyễn Đăng T8 A. Quá trình bắt quả tang Nguyễn Sinh H, Ngô Thị L đã bỏ chạy. Cơ quan công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền 51.050.000đ; thu giữ trên người các đối tượng số tiền 43.550.000đ và các vật chứng khác liên quan đến hành vi đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định: Vào chiều ngày 05-5-2022, Ngô Thị L gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Q, Nguyễn Duy N2, Vũ Trung H1 rủ đến quán K2 của L để đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa ăn thua bằng tiền. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì N2, H1, Q đến, một lúc sau có Nguyễn Sinh H, Mai Xuân D1, Trịnh Văn T3, Nguyễn Ng T2, Phạm Khắc L5, Nguyễn Đăng T8 A và khoảng 7 đến 10 người khác đến quán K2. Sau đó L đưa những người này vào phòng khách của quán K3. Quá trình đánh bạc Nguyễn Văn Q không mang theo tiền, nên khi vào sòng xóc đĩa thì Q mượn số tiền 1.000.000 đồng của một người tên P2 (chưa rõ lai lịch) để đánh bạc, Q đặt cược 02 ván với số tiền đặt mỗi ván là 500.000 đồng, một ván thắng và một ván thua, số tiền này Q đã trả lại cho P2 trong sòng bạc; Trịnh Văn T3 mang theo số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc, để xuống chiếu bạc 5.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người Tr 5.000.000 đồng; Vũ Trung H1 mang theo 20.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người H1 11.500.000 đồng; Nguyễn Duy N2 mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, đánh 02 ván thì bị thua hết; Nguyễn Ng T2 mang theo 35.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người T9 số tiền 8.300.000 đồng; Cao Minh K1 nhờ Nguyễn Ng T2 đặt cược cho KH một ván 500.000 đồng và bị thua, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người của KH số tiền 5.350.000 đồng (số tiền này KH không dùng vào mục đích đánh bạc); Trần Mạnh B mang theo 10.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người B 3.000.000 đồng; Nguyễn Đăng T8 A mang theo 2.900.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người Tuấn A 2.400.000 đồng (số tiền này T8 A không dùng vào mục đích đánh bạc); Nguyễn Sinh H mang theo 3.000.000

đồng để đánh bạc, H chơi senko với những người trong sòng bạc, khi bị bắt quả tang toàn bộ số tiền thắng thua H bỏ ở chiếu bạc; Ngô Thị L thu xâu được 2.000.000 đồng, khi bị bắt quả tang L mang số tiền này bỏ chạy; ngoài việc tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc, Ngô Thị L còn trực tiếp tham gia đánh bạc thắng thua với các con bạc. Tổng số tiền các con bạc sử dụng để đánh bạc là 80.850.000 đồng.

Đối với các đối tượng Phạm Khắc L5, Nguyễn Cảnh C, Phạm Văn T7, Mai Văn T6, Phan Minh H2, Mai Xuân D1, Phùng Quốc U, Hoàng Anh K, Lương Ng Vĩnh H2 không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng xem nên cơ quan điều tra không xử lý.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng đối với Nguyễn Sinh H; Nguyễn Duy N2; Trịnh Văn T3; Vũ Trung H1; Lương Ng Vĩnh H; Nguyễn Đăng T8 A; Trần Mạnh B; Mai Văn T6; Phạm Khắc L5; Phùng Quốc U; C; Phạm Văn T7; Mai Xuân D1; Nguyễn Ng T2; Nguyễn Cảnh C; Nguyễn Văn Q như bản án sơ thẩm đã nêu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập.

Cáo trạng số 66/CT-VKS-LH ngày 07-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Ngô Thị L về tội *"Đánh bạc"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 và tội *"Tổ chức đánh bạc"* quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Văn T3, Vũ Trung H1, Nguyễn Duy N2, Nguyễn Ng T2, Cao Minh K1, Trần Mạnh B, Nguyễn Đăng Tuấn A, Nguyễn Sinh H về tội*"Đánh bạc"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây viết là BLHS 2015*)

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Thị L phạm tội *"Đánh bạc"* và phạm tội *"Tổ chức đánh bạc"*; các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Văn T3, Vũ Trung H1, Nguyễn Duy N2, Nguyễn Ng T2, Cao Minh K1, Trần Mạnh B, Nguyễn Đăng Tuấn A, Nguyễn Sinh H phạm tội*"Đánh bạc"*.

1.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 BLHS 2015, xử phạt bị cáo Ngô Thị L 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*và 15 (mười lăm) tháng tù về tội *"Tổ chức đánh bạc"*.Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 57 (năm mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-8-2022 đến ngày 14-10-2022.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: N (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 20-6-2022.

1.3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: Vũ Trung H1 38 (ba mươi tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 20-6-2022.

1.4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: Trần Mạnh B 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 15-5-2022.

1.5. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: Nguyễn Sinh H 38 (ba mươi tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-8-2022 đến ngày 14-10-2022.

1.6. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: Trịnh Văn T3 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 15-5-2022.

1.7. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: N (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 20-6-2022.

1.8. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: Nguyễn Duy N2 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 15-5-2022.

1.9. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: C (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày

06-5-2022 đến ngày 14-10-2022.

1.10. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015; Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đăng T8 A 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2022 đến ngày 20-6-2022.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 13/3/2023 các bị cáo Trịnh Văn T3, Nguyễn Duy N2, Nguyễn Văn Q kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 14/3/2023 bị cáo Nguyễn Ng T2 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 15/3/2023 bị cáo Nguyễn Sinh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/3/2023 bị cáo Ngô Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Riêng bị cáo Ngô Thị L vắng mặt có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Sinh H xin rút toàn bộ kháng cáo; các bị cáo còn lại đều giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo, giảm cho bị cáo L 03 tháng tù đối với tội "Tổ chức đánh bạc", giảm từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù đối với tội "Đánh bạc";

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T3, Q, N2, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T9; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H4

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử *(sau đây viết là HĐXX)* nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định và đúng quy định nên thời hạn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

[2] Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 05-5-2022, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Văn T3, Vũ Trung H1, Nguyễn Duy N2, Nguyễn Ng T2, Cao Minh K1, Trần Mạnh B, Nguyễn Đăng Tuấn A, Nguyễn Sinh H, Ngô Thị L cùng nhau chơi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền tại quán K2 ở thôn L, xã L, huyện L, tỉnh lâm Đồng. Ngô Thị L là chủ quản lý quán K4 tổ chức cho các con bạc đánh bạc và thu tiền xâu 2.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc xác định được là 80.850.000 đồng.

Tội phạm và hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo đã được bản án sơ thẩm phân tích, đánh giá và tuyên bố bị cáo Ngô Thị L phạm tội *"Đánh bạc"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 và tội *"Tổ chức đánh bạc"* quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS 2015; các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Văn T3, Vũ Trung H1, Nguyễn Duy N2, Nguyễn Ng T2, Cao Minh K1, Trần Mạnh B, Nguyễn Đăng Tuấn A, Nguyễn Sinh H phạm tội *"Đánh bạc"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo, HĐXX phúc thẩm thấy rằng, khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, phân tích vai trò tham gia thực hiện phạm tội của các bị cáo, áp dụng cho các bị cáo đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo L 42 tháng tù về tội "Đánh bạc" và 15 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc"; xử phạt bị cáo T9 42 tháng tù; bị cáo H 38 tháng tù; bị cáo T8 18 tháng tù; bị cáo Q và bị cáo N2 mỗi bị cáo 09 tháng tù nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T9 xuất trình giấy xác nhận có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền lớn nên không có căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo L có tiền án, mức án bản án sơ thẩm đã tuyên xử là phù hợp nên HĐXX không chấp nhận đề nghị giảm nhẹ hình phạt của Viện kiểm sát và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với bị cáo T8 có số tiền tham gia đánh bạc lớn nên không có căn cứ xem xét chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị cáo.

Đối với các bị cáo Q và N2 có nhân thân tốt, số tiền tham gia đánh bạc ít nhất trong số các bị cáo tham gia đánh bạc, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 BLHS. HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và chấp nhận yêu

cầu kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Sinh H tại phiên tòa phúc thẩm đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn S H.

Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Sinh H; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị L, Nguyễn Ng T2 và Trịnh Văn T3; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Duy N2, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Về án phí: Các bị cáo Ngô Thị L, Nguyễn Ng T2 và Trịnh Văn T3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn S H. Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Sinh H5

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị L, Nguyễn Ng T2 và Trịnh Văn T3; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Duy N3 Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Xử:

2.1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị L phạm tội *"Đánh bạc"* và phạm tội *"Tổ chức đánh bạc"*; các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trịnh Văn T3, Nguyễn Duy N2, Nguyễn Ng T2 phạm tội *"Đánh bạc"*.

2.2. Về hình phạt:

2.2.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội *"Đánh bạc"* và 15 (mười lăm) tháng tù về tội *"Tổ chức đánh bạc"*.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 57 (năm mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-8-2022 đến ngày 14-10-2022 vào thời gian chấp hành án.

2.2.2 Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ng T2 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2022 đến ngày 20-6-2022 vào thời gian chấp hành án.

2.2.3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T3 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2022 đến ngày 15-5-2022 vào thời gian chấp hành án.

2.2.4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Duy N2 mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (07-6-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; giao bị cáo Nguyễn Duy N2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Ngô Thị L, Nguyễn Ng T2, Trịnh Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết

thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện LH (09);
- VKSND huyện LH (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện LH (01);
- Cơ quan THAHS CA huyện LH (01);
- Chi cục THADS huyện LH (01);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (06);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng